TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 378/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2019
V/v: " Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn Và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, về: " *Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Nh**, sinh năm 1980. Cư trú: ấp Phú Th, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

* *Bị đơn*: Anh **La Phú S**, sinh năm 1979. Cư trú: ấp Phú Th, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bút lục số 05) bản tự khai (bút lục số 32) thì chị Phạm Thị Nh khai:

- Chị với anh S quen biết và tìm hiểu nhau vào năm 1999, sau đó được cha, mẹ đôi bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải và ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

- Con chung Có 01 con tên La Phú Tr, sinh ngày 07/9/2001, hiện đang chung sống với chị.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh La Phú S đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó không hòa giải được, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì cha của anh S là ông Lê Văn Son khai: Anh S và chị Nh tìm hiểu quen biết nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Anh S đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

{1.2} Anh S đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

{1.3} Chị Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục 30), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

{ 2} Về nội dung :

{2.1} Quan hệ hôn nhân: Chị Nh với anh S có đăng ký kết hôn vào ngày 23- 12- 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thành, huyện Phú Tân, đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xãy ra. Về

nguyên nhân ly thân: Do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải và chính thức ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị Nh yêu cầu ly hôn và anh S vắng mặt không có ý kiến. HĐXX xét thấy anh, chị đều vắng mặt, điều đó cho thấy hạnh phúc của gia đình anh, chị thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh. Theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.2} Về quan hệ con chung: Có 01 con tên La Phú Tr, sinh ngày 07/9/2001, hiện đang chung sống với chị, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, và nguyện vọng của con muốn sống với chị. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay đều sống với chi Nh, vì vậy cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ, do đó nên giao cháu cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Đáng lẽ anh S phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định, nhưng chị Nh tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.3} Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4} Về nợ phải thu : Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.5}Về nợ phải trả: không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nh và anh S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.6} Về án phí DSST: Chị Nh phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 300.000đ**.**

{3} Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh S được triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt, đều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Nh là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điếu 55; khoản 1, Điếu 56; khoản 2, Điều 81; khoản , Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Tuyên xử:

- Chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh La Phú S. Giấy chứng nhận kết hôn số 205/2002, ngày 23 tháng 12 năm 2002 do Ủy ban nhân dân xã Phú Thành không còn giá trị pháp lý.

- Chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng đứa con tên La Phú Tr, sinh ngày 07/9/2001. Công nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được quyền ngăn cảng mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nh phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0005804 ngày 06-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nh và anh S có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thành Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.